

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ, KINH TẾ TƯ NHÂN LÀ ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG NHẤT

NGUYỄN XUÂN PHONG (*)

NGUYỄN HỮU DŨNG (**)

Tóm tắt: Bài viết phân tích quan điểm của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế tư nhân; chỉ ra vai trò và thực trạng kinh tế tư nhân ở Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp để kinh tế tư nhân có sự phát triển mạnh mẽ và là động lực quan trọng nhất trong kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc.

Từ khóa: Đảng ta; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kinh tế tư nhân; Nhà nước.

Abstract: This article analyzes the perspectives of our Party and President Ho Chi Minh on the private economy; highlights the role and current situation of the private sector in Vietnam, thereby proposing solutions to foster the strong development of the private economy as the most important driving force in the the era of the nation's rise.

Keywords: Our Party; socialist-oriented market economy; private economy; State.

Ngày nhận bài: 20/5/2025

Ngày biên tập: 11/6/2025

Ngày duyệt đăng: 19/7/2025

1. Quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về kinh tế tư nhân

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh mở đường về kinh tế tư nhân

Ngay từ những ngày đầu thành lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhìn nhận vai trò cần thiết của tầng lớp công thương, doanh nhân tư sản dân tộc trong công cuộc kiến thiết quốc gia. Bức thư ngày 13/10/1945 của Người có thể xem là “văn kiện đầu tiên của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam”, đặt nền móng cho việc thừa nhận vai trò của kinh tế cá thể, tư sản dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong những năm tiếp theo, tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển, gắn với mục tiêu là lợi ích dân tộc. Trong tác phẩm *Thường thức*

chính trị (1947-1953), Người không phủ định sạch trơn vai trò của nhà tư sản dân tộc mà chủ trương cải tạo, hướng dẫn họ “khéo lãnh đạo” để họ đóng góp vào công cuộc xây dựng nước nhà. Trong những năm 1946-1954, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo thực hiện chiến lược “đại đoàn kết dân tộc”, sẵn sàng liên minh với cả “địa chủ yêu nước, tư sản dân tộc yêu nước” để huy động mọi lực lượng phục vụ kháng chiến.

Sau hòa bình lập lại (1954) và đặc biệt sau thống nhất đất nước (1975), tư duy kinh tế của Đảng ta trải qua một giai đoạn thử thách và chuyển biến quan trọng. Trong bối cảnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975) và trên cả nước sau 1975, việc “xóa bỏ tư hữu, xóa bỏ kinh tế tư nhân” một cách nóng vội đã dẫn tới những hệ quả nặng nề: động lực sản xuất đình trệ, thị trường đình đốn, đời sống nhân dân khó khăn. Thực tiễn những năm 1976 - 1985 cho thấy mô hình kinh tế kế hoạch bao cấp dựa chủ yếu vào khu vực quốc doanh và hợp tác xã đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết, đưa nền kinh tế rơi vào khủng hoảng trầm trọng.

(*) PGS.TS; Phó Giám đốc Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(**) TS; Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1.2. Bước ngoặt từ năm 1986 - thừa nhận kinh tế nhiều thành phần

Trước đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đã đề xướng công cuộc đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế. Một trong những quyết sách lịch sử của Đại hội lần thứ VI là từ bỏ mô hình kinh tế đơn thành phần, thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Chủ trương này trực tiếp “cởi trói” kinh tế cá thể, tư nhân; cho phép tư nhân kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Ngay sau Đại hội Đảng lần thứ VI, Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân (năm 1990) được ban hành, lần đầu tiên tạo hành lang pháp lý chính thức cho việc thành lập doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ VII (1991), Đảng ta chủ trương tiếp tục phát triển tư duy kinh tế nhiều thành phần trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Hiến pháp năm 1992 đã thể chế hóa quan điểm này, tuyên bố thừa nhận kinh tế tư nhân (kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) là một trong những thành phần của nền kinh tế quốc dân.

1.3. Hình thành mô hình “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”

Đầu những năm 2000, nhận thức của Đảng ta về kinh tế thị trường và kinh tế tư nhân đạt một tầm cao mới, mang tính đột phá về lý luận. Đại hội lần thứ IX (2001) lần đầu tiên xác lập khái niệm “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” như là mô hình tổng quát của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Sau khi Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị Trung ương lần thứ năm khóa IX - Nghị quyết đầu tiên của Ban Chấp hành Trung ương tập trung vào kinh tế tư nhân, với quan điểm kinh tế tư nhân là một trong những động lực của sự phát triển và cần được xóa bỏ mọi rào cản, định kiến để phát triển bình đẳng được ban hành, khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng nhanh: số lượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng mạnh sau khi Luật Doanh nghiệp năm 1999 có hiệu lực, đóng góp ngày càng lớn vào GDP.

Đại hội lần thứ X (2006) và Đại hội lần thứ XI (2011) của Đảng đã tiếp tục kế thừa và cụ thể hóa hơn nữa chủ trương phát triển

kinh tế tư nhân. Một dấu mốc quan trọng là Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho kinh tế tư nhân phát triển. Cùng thời kỳ này, Đảng ta ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

1.4. Khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế

Đại hội lần thứ XII (2016) đánh dấu bước tiến mới trong nhận thức của Đảng ta khi chính thức xác định: “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế”. Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (tháng 6/2017) đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là lần đầu Trung ương Đảng ra một nghị quyết riêng về kinh tế tư nhân kể từ sau năm 1986, thể hiện sự coi trọng đặc biệt của Đảng ta đối với vấn đề này.

Tiếp đó, Đại hội lần thứ XIII (2021), Đảng ta tiếp tục khẳng định nhất quán đường lối phát triển kinh tế tư nhân, coi đây là một động lực quan trọng để đưa đất nước đạt mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân lần đầu tiên khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, và đặt ra mục tiêu: “đến năm 2030, cả nước có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 55% GDP”. Đặc biệt, Nghị quyết số 68-NQ/TW còn bổ sung nhấn mạnh vai trò của kinh tế tư nhân trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu⁽¹⁾.

Như vậy, qua các giai đoạn, tư duy lý luận của Đảng ta về kinh tế tư nhân đã có sự phát triển vượt bậc về chất. Sự phát triển này phản ánh tầm nhìn gắn với thực tiễn và tinh thần đổi mới của Đảng trong vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta không còn coi kinh tế tư nhân là “đối tượng phải cải tạo”, mà xem khu vực này là “đối tác đồng hành, lực lượng chiến lược” trong phát triển kinh tế quốc gia.

2. Kinh tế tư nhân - thành tựu, hạn chế và rào cản

2.1. Thành tựu của kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân bao gồm doanh nghiệp tư nhân (940.000 doanh nghiệp) và hộ kinh doanh cá thể (trên 5 triệu hộ), trải rộng trên hầu hết các ngành, lĩnh vực từ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ cho đến nông nghiệp, hiện chiếm khoảng 50% GDP, đóng góp trên 30% ngân sách và giải quyết việc làm cho khoảng 82% lao động trên toàn quốc⁽²⁾. Khu vực tư nhân đã trở thành động lực tăng trưởng chính những năm qua: trong giai đoạn 2010-2020, tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp tư nhân luôn cao hơn khu vực nhà nước; vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước chiếm khoảng 46% tổng vốn xã hội (so với 25% của FDI và 29% của Nhà nước, năm 2020). Nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân lớn đã hình thành và khẳng định thương hiệu ở tầm quốc tế trong nhiều lĩnh vực. Các doanh nghiệp này không chỉ đóng góp ngân sách lớn mà còn tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao năng suất của cả nền kinh tế; thúc đẩy cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ. Sự năng động của kinh tế tư nhân giúp nền kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh chóng sau đại dịch Covid-19, duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với khu vực.

2.2. Những hạn chế và thách thức của kinh tế tư nhân

Mặc dù có vai trò to lớn nhưng khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam hiện vẫn còn nhiều hạn chế về nội lực, chưa đáp ứng được kỳ vọng là lực lượng nòng cốt của kinh tế đất nước⁽³⁾.

Thứ nhất, phần lớn doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Theo thống kê, có đến trên 97% doanh nghiệp tư nhân Việt Nam thuộc loại nhỏ và vừa; trong đó tỷ lệ doanh nghiệp siêu nhỏ (dưới 10 lao động) rất cao. Hiệu quả hoạt động của khu vực tư nhân vì thế còn thấp: năng suất lao động bình quân trong doanh nghiệp tư nhân thấp hơn nhiều so với doanh nghiệp nhà nước và FDI⁽⁴⁾.

Thứ hai, tính liên kết của khu vực tư nhân yếu. Sự liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp FDI cũng hạn chế. Thực trạng này dẫn tới kinh tế tư nhân chưa tạo được sức mạnh cộng hưởng, chưa hình thành được các cụm ngành hay chuỗi giá trị nội địa vững mạnh.

Thứ ba, khả năng đổi mới sáng tạo của nhiều doanh nghiệp tư nhân còn thấp. Phần lớn doanh nghiệp quy mô nhỏ, tiềm lực hạn chế nên ít đầu tư cho nghiên cứu phát triển (R&D) hay ứng dụng công nghệ cao. Tâm lý ngắn hạn, sợ rủi ro cũng khiến nhiều doanh nghiệp tư nhân chưa dám mạnh dạn đổi mới, đầu tư. Kết quả là năng lực cạnh tranh của kinh tế tư nhân ở tầm quốc tế còn yếu, có rất ít doanh nghiệp tư nhân tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ tư, năng lực quản trị và tính chuyên nghiệp của một bộ phận doanh nghiệp tư nhân chưa cao. Không ít doanh nghiệp gia đình thiếu chiến lược phát triển dài hạn, quản trị rủi ro kém, dẫn đến làm ăn chộp giật hoặc dễ đổ vỡ trước biến động. Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong khu vực tư nhân tuy đã cải thiện nhưng vẫn cần nâng cao hơn để đáp ứng chuẩn mực của nền kinh tế thị trường hiện đại.

2.3. Những rào cản từ môi trường kinh doanh và thể chế với kinh tế tư nhân

Ngoài những hạn chế nội tại, kinh tế tư nhân còn gặp phải các rào cản khách quan xuất phát từ môi trường thể chế, chính sách chưa thật sự thuận lợi. Một vấn đề nổi cộm là tiếp cận nguồn lực chưa bình đẳng. Trong quá khứ, nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi cho khu vực kinh tế nhà nước hoặc FDI, trong khi doanh nghiệp tư nhân trong nước chịu điều kiện ngặt nghèo hơn. Bên cạnh đó, thủ tục hành chính rườm rà, chi phí tuân thủ cao cũng là trở ngại cho doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ. Hiện tượng những nhiễu, tham nhũng vặt trong bộ máy hành chính gây tốn kém thời gian, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp... làm xói mòn niềm tin và ý chí kinh doanh của nhiều doanh nhân.

3. Giải pháp phát triển kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên mới

3.1. Đổi mới tư duy và xóa bỏ định kiến đối với kinh tế tư nhân

Trước hết, cần tiếp tục nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị về vai trò của kinh tế tư nhân. Các cấp ủy đảng, chính quyền phải quán triệt tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW: “xóa bỏ triệt để nhận thức, quan niệm, thái độ định kiến về kinh tế tư nhân”. Thực hiện nhất quán nguyên tắc: doanh nghiệp được tự do kinh doanh tất cả ngành

nghề pháp luật không cấm, mọi hạn chế (nếu cần) phải quy định rõ trong luật và vì lý do chính đáng. Công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương phát triển kinh tế tư nhân cần được đẩy mạnh, làm cho toàn xã hội hiểu đúng và ủng hộ doanh nhân làm kinh tế chân chính, tôn vinh doanh nhân thành đạt như những “chiến sĩ trên mặt trận kinh tế”.

3.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập

Tiếp tục cải cách thể chế, pháp luật theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế. Xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định để doanh nghiệp tư nhân yên tâm đầu tư. Trọng tâm là sửa đổi, bổ sung các luật, quy định còn chồng chéo gây cản trở kinh doanh. Nghị quyết số 68-NQ/TW nêu rõ phải “đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh” - do đó, các bộ, ngành cần rà soát, loại bỏ ngay những thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình cấp phép, đăng ký kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành...

Cần hoàn thiện các thiết chế bảo vệ quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh và thực thi hợp đồng cho doanh nghiệp tư nhân. Xây dựng hệ thống tòa án, trọng tài thương mại hiệu quả, giải quyết tranh chấp kinh tế nhanh chóng, công bằng. Nhà nước cũng phải tăng cường pháp luật về cạnh tranh để chống độc quyền, chống cạnh tranh không lành mạnh. Đồng thời, tiếp tục đơn giản hóa hệ thống thuế, phí, giảm gánh nặng hành chính thuế cho doanh nghiệp tư nhân. Áp dụng công nghệ số trong quản lý thuế, hải quan để minh bạch hóa và giảm tiếp xúc trực tiếp (giảm những nhiễu).

3.3. Bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực phát triển

Một giải pháp mấu chốt là tạo lập môi trường để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận công bằng các nguồn lực như đất đai, vốn, lao động, công nghệ...

Về đất đai, cần tiếp tục hoàn thiện Luật Đất đai (sửa đổi) theo hướng minh bạch hóa quy hoạch, thủ tục giao đất, cho thuê đất. Xóa bỏ phân biệt giữa doanh nghiệp các thành phần khi tiếp cận đất. Chính quyền địa phương cần quy hoạch quỹ đất cho phát triển cụm công nghiệp, khu chế xuất và có cơ chế cho thuê đất dài hạn với giá hợp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương.

Về vốn, tiếp tục cải cách hệ thống tín dụng ngân hàng theo hướng minh bạch, để doanh nghiệp tư nhân dễ vay vốn hơn. Khuyến khích phát triển các quỹ đầu tư tư nhân, quỹ đầu tư khởi nghiệp, thị trường vốn mạo hiểm để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Đa dạng hóa nguồn vốn; phát triển các hình thức tín dụng xanh, tín dụng ưu đãi cho lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ... nhằm định hướng dòng vốn vào khu vực tư nhân một cách hiệu quả, phù hợp cơ cấu kinh tế mong muốn.

Về nhân lực, cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực tư nhân. Hệ thống giáo dục, đào tạo (nhất là giáo dục nghề nghiệp) phải gắn kết chặt chẽ với nhu cầu doanh nghiệp. Bản thân doanh nghiệp cũng cần chủ động bồi dưỡng kỹ năng quản trị, kỹ năng số, ngoại ngữ cho đội ngũ quản lý và lao động của mình.

3.4. Hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ

Khối doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh - chiếm đa số rất cần được hỗ trợ để vượt qua khó khăn để trưởng thành. Nghị quyết số 68-NQ/TW nhấn mạnh phải có chính sách hỗ trợ riêng biệt, hiệu quả cho nhóm này. Cụ thể, cần xây dựng mạng lưới trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các địa phương, cung cấp miễn phí hoặc chi phí thấp các dịch vụ tư vấn pháp lý, kế toán, thuế, quản trị doanh nghiệp... Chính sách thuế khoán cho hộ kinh doanh cá thể nên được cải cách theo hướng minh bạch, công bằng. Ngoài ra, đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ đầu tư nhà nước nên tăng cường tài trợ hoặc đầu tư vốn mỗi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp giai đoạn đầu vượt qua khó khăn.

3.5. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực tư nhân

Để kinh tế tư nhân nâng tầm đóng góp, không còn cách nào khác là phải dựa vào đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động. Vì vậy, một giải pháp mang tính chiến lược là hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân đổi mới công nghệ, chuyển đổi số một cách mạnh mẽ. Xây dựng các quỹ hỗ trợ nghiên cứu phối hợp giữa viện nghiên cứu và doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả khoa học - công nghệ.

Riêng về chuyển đổi số, Chính phủ có thể phát động chương trình quốc gia về chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó cung cấp hạ tầng và tư vấn miễn phí bước đầu cho doanh nghiệp. Khuyến khích các tập đoàn công nghệ lớn mở các gói dịch vụ chuyển đổi số ưu đãi cho doanh nghiệp SME... Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo kết nối doanh nghiệp tư nhân với các trường đại học, viện nghiên cứu. Khi doanh nghiệp tư nhân làm chủ được công nghệ và mô hình kinh doanh tiên phong, họ sẽ trở thành đội quân chủ lực dẫn dắt nền kinh tế chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

3.6. Tăng cường liên kết giữa kinh tế tư nhân với khu vực nhà nước và đầu tư trực tiếp của nước ngoài

Cần có chính sách thúc đẩy liên kết doanh nghiệp tư nhân - doanh nghiệp FDI - doanh nghiệp nhà nước để phát huy lợi thế của mỗi bên. Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng khuyến khích phát triển các cụm liên kết ngành có sự tham gia của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần. Ngoài ra, cần hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân “Go Global” - vươn ra thị trường quốc tế. Các cơ quan xúc tiến thương mại, ngoại giao cần làm cầu nối giúp doanh nghiệp tư nhân tìm kiếm đối tác, mở rộng xuất khẩu.

3.7. Nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước, tạo không gian cho kinh tế tư nhân phát triển

Song song với việc hỗ trợ khu vực tư, cần tiếp tục cải cách khu vực kinh tế nhà nước, chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước. Mục tiêu là để kinh tế nhà nước thật sự làm tốt vai trò nền tảng, dẫn dắt mà không cản trở sự phát triển của tư nhân. Thu hẹp lĩnh vực độc quyền nhà nước chỉ còn các lĩnh vực thiết yếu (quốc phòng, an ninh, truyền tải điện...). Nhà nước nên chuyển vai trò từ “nhà kinh doanh” sang “nhà kiến tạo”: tức là giảm dần can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính, thay vào đó tập trung vào hoạch định chính sách vĩ mô, tạo sân chơi cho thị trường.

3.8. Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam

Xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, xứng đáng với vai trò “động lực” của nền kinh tế. Các doanh nhân - đặc biệt là lớp trẻ cần được tạo điều kiện bồi dưỡng kiến thức quản trị hiện đại, pháp luật, hội nhập quốc tế. Bên

cạnh đó, cần xây dựng văn hóa kinh doanh chuẩn mực, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật, cạnh tranh lành mạnh và trách nhiệm xã hội trong cộng đồng doanh nhân.

Tất cả các giải pháp trên cần được triển khai đồng bộ, có lộ trình và giám sát thực hiện nghiêm túc. Quan trọng hơn cả là xây dựng được niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp tư nhân. Khi doanh nhân nhận thấy rõ Đảng, Nhà nước ta thật sự “tận tâm giúp đỡ” họ như lời Bác Hồ năm xưa, thì họ sẽ an tâm bỏ vốn đầu tư dài hạn, mạnh dạn đổi mới sáng tạo, cống hiến hết mình cho sự nghiệp phát triển kinh tế nước nhà.

Chặng đường gần 40 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong mô hình đó, sự kết hợp hài hòa giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân - giữa vai trò “nền tảng” và vai trò “động lực” đã tạo nên sức mạnh nội sinh đưa đất nước vươn lên. Chúng ta tin tưởng rằng, với quyết tâm chính trị cao từ Trung ương, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam sẽ ngày càng lớn mạnh, thật sự trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế - đúng như kỳ vọng mà Đảng ta đã gửi gắm./.

Ghi chú:

(1) *Nghị quyết quan trọng nhất giúp kinh tế tư nhân bứt phá*, <https://baochinhphu.vn/nghi-quyet-quan-trong-nhat-giup-kinh-te-tu-nhan-but-pha-102250506021742951.htm>, truy cập ngày 10/5/2025.

(2), (5) *Vi công cuộc ích quốc lợi dân*, <https://nhandan.vn/vi-cong-cuoc-ich-quoc-loi-dan-post879803.html>, truy cập ngày 15/5/2025.

(3) *Toàn văn Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân*, <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-102250505122337909.htm>, truy cập ngày 18/5/2025.

(4) *Chi tiết tin – MOFUCM174899*, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r//chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174899, truy cập ngày 10/5/2025.